

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG**QUYỂN 8**
(Phần Đầu)

NGHĨA PHÁP NHIỆM NHÓM KHỔ BÁO, có mười bốn môn:

1. Nghĩa hai món sinh tử.
2. Nghĩa bốn sinh.
3. Nghĩa bốn hữu.
4. Nghĩa bốn thức trụ.
5. Nghĩa bốn thực.
6. Nghĩa năm ấm.
7. Nghĩa sáu đường.
8. Nghĩa bảy thức trụ .
9. Nghĩa tám nạn .
10. Nghĩa chín chúng sanh ở.
11. Nghĩa mười hai nhập.
12. Nghĩa mười tám giới.
13. Nghĩa hai mươi lăm hữu.
14. Nghĩa bốn mươi nươg ở .

1- NGHĨA HAI THỨ SINH TỬ: Chia ra sáu môn

1. Giải thích tên gọi.
2. Nói về tướng.
3. Phân biệt giai vị.
4. Phân biệt giới.
5. Phân biệt nhân duyên.
6. Phân biệt trị đoạn.

1) Giải thích tên gọi : Hai thứ sinh tử xét ra theo kinh Thắng-man là:

- a. Sinh tử phần đoạn.
- b. Sinh tử biến dịch.

Nói phần đoạn là nói quả sáu đường chia ra ba thời khác nhau nên gọi là phần đoạn, bắt đầu sinh khởi thì gọi là sinh, cuối cùng ra đi gọi là chết.

Nói biến dịch có ba cách giải thích:

1. Vì tế sinh diệt vô thường niệm niệm dời đổi, trước biến sau dịch gọi là biến dịch, biến dịch gọi là tử, gọi là tử biến dịch. Cho nên trong Địa Trì ghi: Sinh diệt hoại khổ gọi là khổ biến dịch, sinh diệt này là chung cho cả phàm Thánh.

2. Duyên chiếu vô lậu chướng đắc Pháp thân thần hóa vô ngại, năng biến năng dịch, nên gọi là biến dịch, biến dịch là tử, gọi là tử biến dịch ở đây bao gồm Đại thừa và Tiểu thừa.

3. Chân chứng Pháp thân, ẩn hiện tự tại, năng biến năng dịch, nên nói biến dịch, biến dịch chẳng phải tử, nhưng Pháp thân này chưa ra khỏi sinh diệt, cũng bị pháp vô thường chết, chỗ theo biến dịch trên thân, có sinh tử gọi là biến dịch tử, đây chỉ có ở cõi trời.

Ba nghĩa này được nói trong kinh Thắng-man.

Thứ hai là nói theo các môn ở sau, lắng nghe lời này:

Sinh tử phần đoạn, kinh Thắng-man cũng gọi là sinh tử hữu vi; sinh tử biến dịch, trong kinh Thắng-man cũng gọi là sinh tử vô thường. Bởi chính từ người mà đặt tên khác nhau. Phàm phu phần nhiều khởi các nghiệp ác hữu lậu, kiến tập hữu quả, gọi là hữu vi. Có khi vì chúng sinh đã chịu sinh tử, gọi là hữu vi sinh tử. Vô vi sinh tử trước dịch lập xứng, bậc Thánh không khởi các nghiệp ác hữu lậu nên chịu quả báo phần đoạn, gọi là vô vi. Tất cả sinh tử của Bậc Thánh Vô vi gọi là sinh tử Vô vi, danh nghĩa như vậy (xong một môn này).

2) Kế nói về thể tướng:

Sinh tử phần đoạn khai hợp không nhất định, bao gồm chỉ có một, hoặc chia làm hai:

1. Thiện; 2. Ác.

Trời, người gọi là thiện, ba đường gọi là ác. Hoặc chia làm ba: Tất cả inh tử trong ba cõi. Hoặc chia làm bốn: Đó gọi là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh cho đến hóa sinh, như đây ở sau có giải thích. Hoặc chia làm năm, nghĩa là trong năm đường thọ sinh có khác nhau. Hoặc chia làm sáu, quả báo trong sáu đường sinh tử khác nhau, ở năm đường trước, thêm A-tu-la gọi là sáu đường. Nếu chia theo loại khác nhau thì có vô lượng. Phần đoạn như vậy.

Trong biến dịch cũng khai hợp không nhất định, tóm lại chỉ có một

hoặc chia làm hai:

1. Sinh tử biến dịch trong sự thức.

2. Sinh tử biến dịch trong vọng thức, duyên chiếu báo vô lậu đã thọ trong sáu thức gọi là sinh tử biến dịch trong sự thức.

Duyên chiếu quả sở đắc vô lậu trong thức thứ bảy, gọi là sinh tử biến dịch trong sự thức. Biến dịch sinh tử trong sự thức ấy, nhân quả ở đời khác, đời này tạo nghiệp, đời khác mắc quả báo. Như trong Đại luận nói có Tịnh độ nhiệm mầu vượt qua ba cõi. Bậc A-la-hán sẽ sinh trong cõi ấy, đồng như vậy. Sinh tử biến dịch trong sự thức kia, có thô có tế. Địa tiền gọi là thô, địa thượng gọi là tế. Ở trong thô nhân quả đời khác giống với trước. Vì tế; niệm trước là nhân, niệm sau là hiện quả. Trong vi tế này không thể lấy đời khác bàn luận, trong mỗi niệm, phạm vi đời khác cũng không bị tổn hại. Hoặc chia làm ba. Nghĩa là sinh tử biến dịch của hàng ba thừa. Hoặc chia làm bốn: Như trong kinh Thắng-man nói!

1. A-la-hán

2. Bích-chi-phật

3. Bồ-tát Đại Lực

Bồ-tát Địa Tiền, hai vòng sinh tử hoàn toàn chưa dứt trừ, mà không bị phiền não lôi kéo, lại ở trong ba cõi thọ sinh tự tại, nên gọi là đại lực.

Hỏi rằng: Hàng Địa Tiền, Bồ-tát Đại Lực: Trong kinh Niết-bàn nói vì phạm phu có tánh phiền não. Vì sao trong kinh Thắng-man nói là biến dịch?

Giải thích rằng: Kinh Niết-bàn đối với Sơ Địa là vượt lên Chánh nhân, gọi là phạm phu, chưa dứt được hai vòng hoặc của Địa Thượng, gọi là đủ phiền não, nếu nói về Thanh văn, Bích-chi-phật v.v... thì đây là hai chương thanh tịnh của bậc đại Thánh, vì sao không được nói là biến dịch? Cho nên trong kinh Niết-bàn nói: Tu-đà-hoàn có tám muôn kiếp đảo, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đảo, nghĩa là đảo tánh địa A-nậu Bồ-đề. Đây là Đại Thánh, biến dịch nghi gì.

Bốn ý sinh thân, bậc Sơ địa trở lên thọ sinh như ý nguyện gọi là ý sinh thân. Ý có nghĩa gì? Sinh như ý là sao?

Ý có ba nghĩa:

1. Có năng lực mau chóng

2. Có năng lực đến khắp.

3. Có năng lực vô ngại

Bậc Sơ địa trở lên thọ thân như vậy, hoặc chia làm sáu. Như kinh

Thắng-man nói: Ba địa này đồng với ba món ý sinh thân kia. Ba địa này là Địa Tiên, La-hán, Bích-chi-phật, đại lực Bồ-tát Tam Thừa địa.

Ba món kia: Nghĩa là Sơ địa trở lên, ba món sinh thân. Ba món ý sinh như trong kinh Lăng-nghiêm có nói:

1. Tam-muội ý sinh thân: Là từ sơ địa đến địa thứ năm. Do thiên Ba-la-mật Tăng thượng nên gọi là Tam-muội ý sinh thân.

2. Tự tánh giác pháp tánh ý sinh thân, lục, thất, bát Địa thành tự tuệ hành, biết pháp tự tánh, biết pháp vô tánh, gọi là tánh thân giác pháp tự tánh.

Tuệ tánh trước: Là pháp hữu tánh, sắc trong hữu pháp, vì ngại tánh tâm làm tu tánh, tất cả như vậy gọi là tự tánh.

Lại nói tánh: Là pháp vô tánh, không phải thật tánh của tất cả pháp, nên gọi là tánh. Tánh hữu vô này đều có khả năng khéo chiếu soi, nên gọi là Giác. Ba loại: Câu sinh, vô tác và hạnh ý sinh thân, nghĩa là từ hai Cửu Địa trở lên vô công dụng hạnh, nhận vận chuyển khởi, gọi là chủng loại câu sinh hạnh thân vô tác.

Ba món này, ba món kia, là từ hạnh báo thuận thực Bạc Cửu địa trở lên, chủng loại đã tu trong bảy Địa trước đến địa này quả báo thuận thực, hiện tiền gọi là chủng loại câu sinh, giống như nước pháp nhậm vận đi lên, xa lìa công dụng. Ba món này ba món kia hợp thành sáu. Nếu chia nữa thì có vô lượng. Biến dịch như vậy. Môn thứ hai đã xong.

3) Kế y cứ vị để bàn luận:

Tướng chung của phần thô; Phần đoạn tử: Là chúng sinh luống đối. Biến dịch tử: Nghĩa là A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Lực Bồ-tát ý sinh thân.

Trong hàng Tiểu thừa, phạm phu, bậc học, trong hàng Đại thừa ngoại phạm đường thiện, đều ở trong ba cõi, vọng ái thọ sinh, gọi là luống đối. La-hán, Bích-chi-phật trong hàng Tiểu thừa, bậc chủng tánh trở lên trong hàng Đại thừa, do nghiệp chánh trí vô lậu thọ sinh, cho nên chẳng phải hư ngụy. Hư ngụy đã thọ, gọi là phần đoạn tử, chẳng phải hư ngụy thọ, gọi là biến dịch tử.

Hỏi: Tiểu thừa từ Tu-đà-hoàn trở lên, trong Đại thừa Thập Tín trở lên, cũng có năm phần công đức Pháp thân, vì sao không gọi là biến dịch tử, mà gọi là phần đoạn?

Giải thích rằng: Người này ở trong ba cõi, kết nghiệp hữu lậu thọ sinh chưa hết, nên gọi là phần đoạn, tuy có năm phần Pháp thân vô lậu, nhưng do Pháp thân này chưa được quả báo, cho nên không được gọi là

Biến dịch tử, phần thô như vậy.

Ở trong tế gọi phần đoạn có hai:

1. Đường ác.
2. Đường thiện

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh ba đường gọi là ác, trời, người gọi là thiện. Trong pháp Tiểu thừa, đường ác phần đoạn, khi kiến đạo hết, nên Tu-đà-hoàn gọi là để tránh là xúc chạm trong ba đường.

Nếu nói chung thì lúc tăng thượng nhân, quả báo ba đường ác, đều chẳng phải thường diệt. Phần đoạn đường thiện khi Vô học hết trong hàng Đại thừa chỗ tận cùng nơi phần đoạn đường ác có ba:

1. Vì nghiệp ác làm nhân, bốn trụ làm duyên, thọ quả báo đường ác. Khi hết Thập Tín để tu thân giới tâm tuệ v.v... hạnh chuyển nghiệp ác, cho nên trong luận Đại Trí Độ nói là đường thiện

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: Ngài Hiền Thủ có khả năng hiện làm Phật thì rõ biết, cũng có thể lìa quả báo đường ác.

2. Nghiệp ác làm nhân, bốn trụ làm duyên. Do lực duyên kém nên không thể dẫn dắt sinh, thêm thiếu bi nguyện thọ thân đường ác khi chủng tánh hết. Trong kinh Thắng-man nói: Bồ-tát Đại lực có chủng tánh lớn nên lìa phần đoạn tử.

3. Nghiệp ác làm nhân, bi nguyện làm duyên, khi bốn trụ hết, tùy duyên trợ giúp, thọ sinh trong đường ác, khi Sơ địa hết, Địa tiền chưa dứt, đến Sơ địa thì hết.

Trong kinh Thập Địa nói: Bồ-tát Sơ địa lìa sợ đường ác. Trong kinh Trí Địa nói: Bồ-tát Giải hạnh, chuyển quả báo đường ác, nhập Hoan Hỷ địa. Lại tùy theo năng lực trợ giúp bốn trụ phiền não, đến Sơ địa thì dứt hết. Trong Địa Trì nói: Hàng Bồ-tát Tăng thượng và phiền não trong đường ác, bậc Sơ địa ra khỏi, hàng Địa tiền chưa dứt hết.

Trong Địa Trì nói: Chủng tánh giải hạnh, hoặc đọa đường ác, đường ác đã như vậy, phần đoạn đường thiện cũng có ba bậc:

1. Nghiệp thiện làm nhân, bốn trụ làm duyên, thọ quả báo trời người khi chủng tánh hết.

2. Nghiệp thiện làm nhân, bốn trụ làm duyên, do năng lực duyên yếu kém nên không dẫn dắt sinh, thêm thiếu bi nguyện nên khi Sơ Địa hết, Địa tiền chưa dứt, vì Sơ địa hết thọ thân trời người.

Trong kinh Lăng-già nói: Hàng Bồ-tát Sơ địa đắc hai mươi Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi, vì trước chưa dứt.

Trong kinh Pháp Hoa nói: Hàng Địa tiền vẫn còn sinh tử phần đoạn trong ba cõi, nên trong luận ấy nói: Đã nói nhập sinh cho đến một

lần sinh đắc Bồ-đề. Nghĩa là bậc Sơ địa chứng trí gọi là tám lần sinh đến một lần sinh, là sinh phần đoạn trong ba cõi kia.

3. Nghiệp thiện làm nhân, bi nguyện làm duyên, bốn trụ dứt, kiết tập tùy theo sự trợ giúp, thọ sinh cõi trời người, đến quả Phật mới hết. Từ trước chưa dứt vì đến Phật mới hết.

Trong kinh Khen ngợi, chỉ có Phật mới dứt hữu đánh chủng, hàng Thập Địa trở xuống thọ sinh cõi trời người, vì hạt giống chưa cùng tận.

Trong Địa Trì chỉ nói: Bồ-tát Giải hạnh, chuyển báo đường ác nhập Hoan Hỷ địa, không nói đến chuyển thiện. Lại Bồ-tát Thập Địa trở xuống thọ sinh cõi trời người, phiền não chưa hết. Trong Địa Trì chỉ nói: Bậc Sơ địa vượt khỏi phiền não đường ác không nói vượt qua phiền não đường thiện. Dùng văn này chứng minh hàng trời người hết tập khí thì biết đến Thập Địa. Trong đó phân biệt, phần đoạn người là khi Bát Địa hết, từ trước chưa dứt vì đến Bát Địa mới hết.

Trong kinh Niết-bàn nói: Bát Địa là A-na-hàm không thọ nhục thân, vì trước chưa dứt.

Trong kinh Đại Phẩm nói: Bảy Địa trước cũng là nhục thân.

Phần đoạn đến quả Phật mới hết, từ trước chưa dứt vì đến quả Phật mới dứt chỉ một mình Đức Phật dứt hữu đánh chủng, vì trước chưa dứt, hàng Bát Đại trở lên chỉ gọi là A-na-hàm, chẳng phải A-la-hán.

Hỏi rằng: Bậc Địa thượng sinh khắp trong sáu đường, vì sao riêng nói sinh trong trời người cho là phần đoạn?

Giải thích: Vì hàng Địa thượng đã dứt nghiệp ác, tuy sinh trong đường ác, cũng chỉ ứng hiện. Nghiệp thiện trời người, vì chưa cùng tận nên sinh trong trời người, khi tương ứng với nghiệp nhẹ của phàm gia gọi là phần đoạn.

Kế nói về Biến dịch. Trong biến dịch, có nhân có quả. Trong Tiểu thừa, kiến đạo trở lên do biến dịch sinh. Sau quả Vô học báo biến dịch khởi, là sao? Như trong luận nói: Cõi tịnh độ nhiệm mầu, vượt ngoài ba cõi, không có phiền não, Bậc A-la-hán sẽ sinh về đó, như vậy v.v... Phần chủng trong Đại thừa có bốn:

1. Khởi nhân xứ Thập Tín trở lên.
2. Đắc quả xứ chủng tánh trở lên.

Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Chủng tánh trở lên đến Bồ-tát đại lực là biến dịch tử.

Hỏi: Trong kinh Pháp Hoa ngài Ưu-bà-đề-xá nói: Trước giải hạnh là phần đoạn tử, vì sao trong kinh Thắng-man nói là biến dịch?

Giải thích rằng: Bồ-tát chủng tánh trở lên có năm thân:

1. Thân pháp tánh: Nghĩa là thanh tịnh, hướng v.v..., trong tánh chủng tánh và Giải Hạnh. Như trong Địa Trì nói: Sáu nhập thù thắng, pháp vô thủ như vậy v.v...

2. Thân thật báo: Nghĩa là trong Tập chủng tánh và Giải hạnh đắc tiền phương tiện. Như trong Địa Trì nói: Nếu từ trước đến nay tu thiện sở đắc, như vậy, v.v...

3. Pháp thân sinh diệt biến dịch: Đó gọi là duyên chiếu nghiệp quả vô lậu.

4. Thân phần đoạn: Nghĩa là nghiệp quả hữu lậu từ vô thủ đến nay.

5. Thân ứng hóa: Tùy chúng sinh mà hiện sinh. Năm thân này, đều có nhân duyên:

Thân pháp tánh: Là Phật tánh làm nhân, là các độ làm duyên.

Thân thật báo: Là sáu độ làm nhân, Phật tánh làm duyên. Lại có nghĩa khác, như ở sau, trong phần hai món chủng tánh có nói.

Thân biến dịch: Nghiệp vô lậu làm nhân, vô minh làm duyên.

Thân phần đoạn: Là nghiệp hữu lậu làm nhân, bi nguyện làm duyên, trong thân ứng hóa có hai món ấy:

1. Pháp ứng nương Pháp thân khởi.

2. Báo ứng nương báo thân hiện.

Nhân duyên của hai loại ứng này đều khác nhau. Nói về pháp ứng ấy, pháp môn Tam-muội hóa dụng trong Như Lai Tạng làm nhân, bi nguyện làm duyên. Nếu nói về báo ứng: Bi nguyện làm nhân, pháp môn Tam-muội hóa dụng làm duyên.

Trong năm thân này, hai thân đầu chẳng phải ? từ hai thân kế thật tử, một cái sau ứng tử, vì thế đối với Bồ-tát chúng tánh trở lên, trong thân thật báo, có xen lẫn biến dịch; trong thân ứng hóa, có xen lẫn phần đoạn, Trong kinh Pháp Hoa y cứ môn thứ tư nói là phần đoạn.

Trong kinh Thắng-man, y cứ môn thứ ba nói là kiến dịch. Mỗi môn là một nghĩa, không trái bỏ nhau, đây là chỗ đắc quả thứ hai.

3. Tiệm xả xứ: người Sơ địa trở lên, bốn chỗ cùng tận hết. Ở Như Lai địa phần vị như vậy. (xong ba môn này)

4) Kế y cứ giới mà luận:

Giới nghĩa là ba cõi, trong đó lược dùng hai môn phân biệt:

1. Tùy tướng phân biệt, phần đoạn sinh tử thuộc về ba cõi, vì nó là quả của nghiệp hữu lậu trong ba cõi. Biến dịch sinh tử chẳng thuộc về ba cõi, vì quả của nghiệp vô lậu xuất thế. Trong luận nói: Có tịnh

độ nhiệm mầu vượt ngoài ba cõi. Bạc A-la-hán, sẽ sinh về đó: Thế nên biết nó là Xuất thế. Tất cả là như vậy.

2. Y cứ táng nói chung: Là hai món sinh, tử đều thuộc ba cõi, nghĩa này thế nào?

Như trong kinh Thắng-man nói: Thế gian có hai:

1. Vô thường hoại

2. Vô thường bịnh

Vô thường hoại: Là phần đoạn ba cõi.

Vô thường bịnh: Là biến dịch ba cõi.

Sinh tử phần đoạn lại thuộc về phần đoạn ba cõi, biến dịch sinh tử là thuộc biến dịch ba cõi.

Hỏi: Phần đoạn ở trong ba cõi rất dễ hiểu. Biến dịch sinh tử ở trong ba cõi phân chia ở chỗ nào, chỉ có bậc Thánh mới biết được. Cũng có thể biến dịch. Theo Thiền địa nói: Nương Sơ thiên địa phát nghiệp vô lậu, thọ báo biến dịch, hệ thuộc vào Sơ thiên. Tất cả như vậy. (xong môn thứ tư).

5) Kế nói về nhân duyên:

Thân sinh gọi là Nhân, giúp đỡ gọi là Duyên, nói thô về tướng chung nghiệp nhân hữu lậu của sinh tử phần đoạn bốn trụ làm duyên. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Lại, nếu chấp duyên nghiệp nhân hữu lậu mà sinh vào ba cõi, thủ do ái vậy khi thọ sinh, hoặc khởi ái dâm, hoặc khởi ở các ao hoa v.v... mà ái, liền thọ thân nên nói là Duyên thọ thân trong ba cõi; sức ái mạnh thêm, nên nói riêng. Biến dịch sinh tử là nghiệp nhân vô lậu, vô minh làm duyên. Kinh Thắng-man nói: Nghiệp nhân vô lậu, vô minh làm duyên, sinh A-la-hán, Bích-chi-phật, v.v... Duyên có hai loại:

1. Duyên trước sau: Do từ trước bị vô minh không thấy bốn tánh các pháp bình đẳng nên cầu sinh sau.

2. Đồng thời làm duyên: vô minh trụ địa, là thể của bảy thức, nghiệp quả của biến dịch, y đây là được lập, nên nói là duyên, như mộng khởi đều nương tâm ngủ. Tướng chung như vậy. Tùy theo phân biệt giới hạn, sinh tử phần đoạn có thiện có ác. Phần đoạn đường ác nghĩa có ba bậc khác nhau:

1. Phạm phu đã thọ nghiệp ác làm nhân, bốn trụ làm duyên.

2. Hàng Thập Tín thọ nghiệp ác làm nhân, bốn trụ chánh duyên, bị nộ nguyện theo trợ giúp.

3. Bồ-tát Chủng tánh trở lên đến Sơ địa thọ nghiệp ác làm nhân,

bi nguyện là chánh duyên, bốn trụ theo trợ giúp. Nếu không có nghiệp ác thì quả khổ không sinh, nên dùng nghiệp ác làm nhân. Nếu không có bi nguyện thì không đến thọ, nên dùng bi nguyện làm duyên. Trong kinh Niết-bàn nói: Bồ-tát Địa tiền, thời quá khứ đã có nghiệp ác nhiều như cát bụi, do nguyện lực nên thọ hết tất cả.

Lại nói nguyện lực, phải biết cũng dùng bi lực cho nên chịu khổ.

Thiện đạo phần đoạn cũng có ba bậc:

1. Phạm phu, Nhị thừa cho đến Thập Tín Đại thừa thọ nghiệp thiện làm nhân, bốn trụ làm duyên.

2. Chủng tánh Giải Hạnh thọ nghiệp thiện làm nhân, bốn trụ làm chánh duyên, bi nguyện theo trợ giúp.

3. Bậc Địa thượng thọ nghiệp thiện làm nhân, bi nguyện chánh duyên, bốn trụ theo trợ giúp.

Biến dịch có hai:

1. Biến dịch sinh tử trong sự thức.

2. Biến dịch sinh tử trong vọng thức.

Biến dịch trong sự có ba bậc:

1. La-hán, Bích-chi-phật nhận, dùng chúng sinh không quán trong sự thức làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

2. Chủng tánh Giải Hạnh nhân sự hiểu biết về dứt tướng chẳng phải có chẳng phải không trong sự thức làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

3. Địa Thượng nhận pháp quán tất cả vọng tướng đều nương theo tâm trong vọng thức làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

Trong vọng biến dịch cũng có ba bậc:

1. Địa Tiền thọ, trong dụng vọng thức tất cả vọng tướng nương tâm quán, để làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

2. Địa Thượng thọ, tất cả vọng tướng y theo chân quán trong vọng thức làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

3. Bồ-tát Bát địa trở lên thọ, pháp quán dứt tướng về chỉ có chân, không có vọng trong vọng thức làm chánh nhân, vô minh làm duyên.

Hỏi: Chỉ có quán chân không có vọng, có thể khiến vọng trí không còn dẫn dắt pháp sau, làm sao làm nhân cho biến dịch?

Giải thích: Pháp quán này so sánh với pháp đồng loại ở sau, tuy không dẫn sinh, mong về phẩm ở sau thù thắng, chẳng phải không thể sinh, nên được làm nhân, các pháp quán này là quán riêng như trong chương Bát Thức ở trước có nói đủ. Phần đoạn tử ở trước, nhân cũ duyên mới. Do nhân duyên này đồng duyên có khác nhau. Biến dịch

tử này, duyên cũ nhân mới, vì duyên đây đồng nhân có khác nhau, tùy theo nghĩa mà bàn luận kỹ. Nhân phần đoạn duyên biến dịch, chẳng phải không khác nhau, tướng khác khó phân, cho nên không nói Lý thật vô minh cũng giúp phần đoạn.

Tập khí bốn trụ, cũng giúp biến dịch, tướng ẩn kém thiếu, nên bỏ không nói đến (năm môn này xong).

6) Kế nói về đoạn xứ:

Trong phần đoạn năm đường khác nhau, chỗ đoạn không nhất định. Trong pháp Tiểu thừa, đại vị nói hết ở Vô học, Trong đó phân biệt phần đoạn đường đều ở ba cõi:

1. Bất thọ xứ: Y như trong Luận Thành Thật, Noãn tâm trở lên một bề không thọ. Ở trong tông ấy, Noãn tâm trở lên gọi là Trụ phần, không còn lui sụt trong ba đường, cho nên Luận Thành thật kia trích dẫn để chứng minh. Chánh kiến của Bạc Thế thượng qua lại trăm ngàn đời, không bao giờ đọa vào đường ác. Noãn tâm trở lên gọi là thượng Chánh kiến. Nếu theo Luận Tỳ-đàm, nhãn tâm trở lên mới gọi là Trụ phần, một bề không thọ báo trong ba đường, trong kinh Niết-bàn cũng đồng với thuyết này, ở đây y cứ lời đó. Nhãn tâm trở lên mới được gọi là Thế Thượng Chánh Kiến, đây là không thọ xứ thứ nhất.

2. Chẳng thường diệt xứ: Theo Luận Tỳ-đàm khi tăng thượng nhãn, thì báo ba đường chẳng phải thường diệt, ở một đời này dứt nhân kia không thọ báo, cho nên trong kinh Niết-bàn cũng đồng với thuyết này.

Kinh Niết-bàn nói: Lúc Tăng thượng nhãn thì quả báo ba đường ác, nên biết đó không từ trí duyên mà diệt. Nơi ba duyên dứt ở trong kiến đạo, nhuận hoặc vĩnh viễn đoạn đốt cháy nghiệp chủng. Phần đoạn trong loài người, là A-na-hàm trở lên, không còn thọ lại nữa.

Phần đoạn cõi trời là La-hán, Bích-chi-phật không bao giờ thọ nữa.

Trong pháp Đại thừa, phân theo đại vị tất cả phần đoạn đều ở Chủng tánh, nên trong kinh Thắng-man nói: Phần đoạn tử, là hư ngụy chúng sinh, trong đó phân biệt, phần đoạn sinh tử có hai món:

1. Định hệ bị nghiệp dẫn dắt, chỗ lúc định trói buộc đó gọi là sau khi sinh.

Xứ là sáu đường.

2. Không định nghiệp ràng buộc được nghiệp tự tại, được sinh tự tại, lúc không ràng buộc, vì lúc không ràng buộc, nên sau khi hiện sinh,

tùy ý thọ sinh; vì không ràng buộc, ở trong sáu đường tùy ý thọ sinh trong ba đường ấy chắc chắn ràng buộc.

Thập Tín trở lên tu tập thân giới tâm tuệ hạnh, lần lần thứ lớp dứt trừ, thì chủng tánh dứt sạch.

Không nhất định ràng buộc: Là chủng tánh trở lên dứt trừ dần thứ lớp, khi Sơ Địa hết, trong Địa Trì y cứ theo đây nói, bậc Sơ địa lia báo đường ác.

Định trời, người: Là chủng tánh trở lên dần dần dứt trừ. Khi Sơ Địa hết. Nếu lại nói chung, hàng Thập Tín trở lên dần dần dứt trừ theo thứ lớp, đến Sơ địa thì hết. Trong kinh Lăng-già y cứ đây mà nói: bậc Sơ địa chứng đắc hai mươi lăm Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi.

Bất định: Bậc Sơ địa trở lên dần dần dứt trừ theo thứ lớp, đến quả Phật mới hết. Trong đó phân biệt: Phần đoạn ở cõi Người, khi đến Bát Địa thì hết, vì thế lên hàng Bát Địa gọi là A-la-hán, không thọ lại thân thịt hôi thối này nữa.

Phần đoạn ở cõi trời, đến quả Phật mới hết, nên một mình Đức Phật dứt được hữu đảnh chủng, vượt qua vòng sinh tử. Nhưng lên bậc Sơ địa, tuy nói có phần đoạn cõi trời người, chỉ có hoặc tập khí nhẹ. Nghĩa là ở trong đại bi ứng hiện thân, có chút ít tàn khí, không có khả năng thọ quả báo phần đoạn. Phần đoạn như vậy. Kế nói về biến dịch.

Trong biến dịch có nhân có quả, đều là chỗ không nhất định. Trong pháp Tiểu thừa nhân biến dịch đều có hai xứ:

1. A-la-hán trở lên tạm diệt diệt định.

2. Vô dư hăng diệt, trong quả Vô học, quả biến dịch, Tiểu thừa chưa diệt. Trong pháp Đại thừa, nhân biến dịch, chủng tánh tạm diệt, đến quả Phật mới hết. Quả biến dịch, người Sơ địa tạm diệt, đến quả Phật mới hết, hai món sinh tử rất lớn, hưởng chi là thô.

2. NGHĨA BỐN LOẠI PHÂN BIỆT, CÓ BA MÔN

1. Biện tướng
2. Chung và riêng.
3. Rộng và hẹp

1- Bốn loại: Thai, noãn, thấp, hóa.

Thai sinh: Như loài người bầm thọ nường gá tinh khí mà thọ quả báo gọi là thai sinh.

Noãn sinh: Như các loài chim, nường trứng mà thọ thân gọi là noãn sinh.

Thấp sinh: Như ngày mùa hè, các loài trùng sinh ở chỗ ẩm ướt, không nhờ cha mẹ, nương ẩm ướt thọ thân gọi là thấp sinh.

Hóa sinh: Như các loài trời, không chỗ nương gá, không mà bỗng khởi có, gọi là Hóa sinh. Nếu không nương gá làm sao sinh được? Theo trong Địa luận giải thích: Nương nghiệp mà sinh, tướng sinh như vậy.

2- Kế là y cứ vào năm đường để nói chung và riêng

Một loại hóa sinh trong bốn loài hoàn toàn thuộc về hai đường, và ba phần nhỏ thì hoàn toàn thuộc về hai, là các vị trời địa ngục, một bề hóa sinh.

Ba phần nhỏ là người, quỷ và một phần súc sinh. Như thời kiếp Sơ người quỷ và súc sinh, đều hóa sinh; thời nay phần nhiều không có, nên gọi là phần ít.

Một loại thai sinh có ở người quỷ và một phần ít ở súc sinh các loài đường khác hoàn toàn không có. Hai loài noãn, thấp, chỉ có ở loài người và súc sinh, đường khác đều không có. Trong loài người có thai sinh.

Như đứa trẻ Tỳ-xá, Mẹ Tỳ-xá sinh bọc trứng, trong trứng có ba mươi hai đức trẻ. Các loại như vậy là trứng sinh người.

Người do thấp sinh, như vua Đảnh Sinh. Vào thời quá khứ có vị Vua tên là Thiện Trụ, trên đảnh vị ấy mang thai đủ mười tháng thì sinh một đứa bé, do đó đặt tên cho đứa bé đó là Đảnh Sinh. Các việc như vậy. Đây là người sinh ở nơi ẩm ướt. Trong đường súc sinh, noãn sinh, thấp sinh có thể tự biết.

3- Kế nói về rộng hẹp:

Như Tạp Tâm có hỏi: Là sinh thuộc về thú hay là thú thuộc sinh?

Luận tự giải thích: Bốn loài thuộc về thú, chẳng phải thú thuộc về sinh. Vì sao? Vì tất cả năm đường không ngoài bốn loài sinh nên sinh thuộc thú. Trong năm đường thân trung ấm đều là hóa sinh, không thuộc năm đường, cho nên năm đường không thuộc bốn loài sinh, lược nói như thế.

3. PHÂN BIỆT NGHĨA BỐN CỖI, SÁU MÔN

1. Nói về tướng.
2. Phân biệt theo thời.
3. Phân biệt theo xứ.
4. Năm ấm, sáu căn đủ và không đủ.

5. Phân biệt nhiễm tịnh
6. Phàm Thánh có không

1- Nói về tướng:

Nghĩa của bốn cõi, xuất xứ từ kinh A-hàm. Trong Luận Tỳ-đàm có phân biệt rộng, quả báo sinh tử là có chẳng phải không, nên gọi là có. Có khác nhau không đồng. Một môn nói bốn. Bốn tên là:

1. Sinh có.
2. Chết có
3. Sẵn có.
4. Trong có.

Phần đầu tiên của báo đặt tên là sinh có. Quả báo thọ mạng hết gọi là chết có; sau khi sinh trước khi chết gọi là bốn hữu; đối với tử và Trung ấm nên gọi là Bốn; thân trung ấm giữa hai thân đã thọ gọi là trung hữu. Tướng trung hữu ẩn có chín trường hợp hiện rõ:

1. Định có, không: Các kinh, luận nói khác nhau.

Trong Luận Tỳ-đàm: Nhất định có trung ấm. Trong Luận Thành Thật nhất định không. Định riêng về Có, Không nên thành tranh luận. Trong Kinh Niết-bàn nói: Các đệ tử ta, không hiểu ý ta, nên tuyên bố rằng: Đức Như Lai nói Trung ấm, là nhất định có, là nhất định không. Trong Đại thừa đã nói: Có, không chẳng nhất định; Bậc thượng thiện quả báo đấng ác nặng nên mau chóng thì không có trung ấm, như năm tội nghịch, v.v... các nghiệp khác thì có vì khác với thiên định nên không tranh luận.

2. Định về phần sinh: Sinh có bốn loại: Thai, noãn, thấp, hóa tất cả trung ấm, đồng một hóa sinh.

3. Nói về hình loại kia: thân trung ấm, duyên lẽ mờ sinh ấm. Trung ấm cõi trời, duyên lẽ mờ dường như cõi trời, cho đến hưởng đến địa ngục, trung ấm duyên lẽ mờ như địa ngục.

4. Nói về hình lượng trung ấm lớn nhỏ: Người sinh trung ấm, như đứa trẻ nhỏ có biết thọ thân trung ấm sinh lên cõi trời do dần dần lớn. Trung ấm như vậy tùy theo chỗ hưởng đến. Nhỏ ở sinh ấm, y cứ theo người thì có thể tự biết.

5. Nói về hình sắc: Như trong Địa Trì nói: Sắc có đẹp xấu, sắc đẹp có hai:

1. Cực đẹp, như trăng sáng.
 2. Đẹp nhẹ nhàng, như y Ba-la-nại.
- Xấu cũng có hai:

1. Cực xấu như ban đêm tối đen.
2. Hơi xấu, như màu lông dê đen sáng.

Nhưng thật trung ấm có muôn màu khác nhau. Trong Địa Trì lại nói theo hình thô.

6. Nói về trung ấm thú hương có khác nhau. Như trong luận nói: Trung ấm địa ngục, khi đến địa ngục, chân trên đầu dưới, thẳng đến địa ngục, khi đến địa ngục, khi thọ báo, thân như người đứng.

Trung ấm các cõi trời, khi đến cõi trời, như tên bắn lên hư không còn các thân trung ấm khác thì nương gá mà đi.

7. Nói thấy tướng trung ấm khác nhau: Có người nói: Tất cả trung ấm đều được thấy tướng. Lại có người nói: Trên được thấy dưới, mà dưới không thấy trên. Nói như thế thì trung ấm địa ngục, chỉ có được thấy trung ấm ở địa ngục. Không thấy các tướng trung ấm khác khác, trung ấm súc sinh thấy được trung ấm địa ngục súc sinh, không thấy trung ấm khác. Cho đến trung ấm cõi trời, có thể thấy tất cả trung ấm trong năm đường.

8. Nói về thức ăn khác nhau của trung ấm. Trung ấm cõi Dục có đủ bốn cách ăn.

Trong ấy đoạn thực, lại ăn sinh ấm; ăn mùi hương; trung ấm thượng giới, thì không có đoạn thực, chỉ có thức xúc, ý, tư, thực v.v...

9. Nói ý phục trung ấm có không: Trung ấm các vị trời luôn luôn có y phục; trong loài người thì không nhất định, như gần chỗ Phật có các đại Bồ-tát, vua chuyển luân và Tỳ-kheo ni Bạch tinh v.v... phước đức thù thắng lại đủ tám quý thì trung ấm có y, còn lại thì không. (xong một môn này).

2- Kế nói về thời:

Phần lâu mau của bốn hữu sinh có tử có thời phần rất ngắn, chỉ dứt một niệm. Cho nên trong Tạp Tâm nói: Sinh có và tử có là mỗi cái một sát-na, trong bốn hữu có phân ra thời gian không nhất định. Bốn hữu ngắn nhất thì dứt một niệm; dài thì hoặc trải qua ức trăm ngàn kiếp, trung hữu có dài ngắn, nhiều chỗ nói khác nhau, có chỗ nói: Ngắn nhất là một niệm, dài nhất bảy ngày. Nói như thế, đến khoảng bảy ngày, sẽ được chỗ sinh. Nếu đến bảy ngày không được chỗ sinh, thì ấm trước diệt rồi lại thọ Trung ấm. Có người lại nói: Trung ấm rất dài, thọ bốn mươi chín ngày, đến bốn mươi chín ngày thì được chỗ sinh, nếu không được chỗ sinh thì chết rồi sinh lại. Lại có chỗ nói: Thọ mạng không nhất định, cho đến cha mẹ chưa hòa hợp, thường còn không diệt trong các thuyết

này thì thuyết sau là thiện. (xong hai môn này).

3- Kế y cứ chỗ năm đường ba cõi phân biệt bốn cõi :

Trước y cứ ba cõi nói về chung và riêng, sinh tử vốn có chung khắp ba cõi, nhưng trung hữu thì không nhất định. Trong pháp Tiểu thừa, cõi Dục và cõi Sắc thì có, cõi Vô sắc thì không. Trong pháp Đại thừa, bốn không có sắc, vì có sắc nên cũng có trung ấm, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: Tỷ căn của Bồ-tát có thể nghe mùi thơm của cung điện Vô sắc, thế thì biết rõ hữu sắc.

Kế y cứ, thú hưởng để nói, phải biết bốn cõi chung khắp năm đường. (môn thứ ba xong)

Kế nói rõ căn, ấm có hay không có. Ấm là năm ấm, căn là sáu căn. Trước y cứ năm ấm nói có hay không có, sinh tử vốn có, ba thứ này nếu ở trong cõi Dục nhất định có năm ấm, cõi Sắc, Vô sắc thì Đại thừa và Tiểu thừa nói khác nhau.

Tiểu thừa nói: Trong cõi Sắc kia không có cõi trời vô tướng có sắc mà không có tâm, trong cõi bốn không, có tâm không sắc, không đủ năm ấm, còn các trời cõi Sắc đều có năm ấm.

Đại thừa nói: Cõi trời vô tướng cũng có tâm tướng cõi bốn không có sắc thì ba cõi đều có năm ấm. Trong Địa Luận nói: Cho đến cõi trời hữu đẳng tăng trưởng tất cả nhóm khổ năm ấm trong đó có một loại, quyết định đủ năm ấm, không hề thiếu giảm.

4- Kế y cứ sáu căn nói đủ hay không đủ:

Trong sinh hữu chỉ có ý căn, sắc sở duyên chưa thành thể thân thể, nên không có thân căn. Vì không có thân, cũng không có các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bốn hữu không nhất định, chúng sinh cõi Dục, dần dần qua đời chỉ còn thân căn và ý căn, cho nên khi thân chết, khi một niệm chết sáu căn đều hoại, chúng sinh ở cõi sắc không chết từ từ. Vì thế, khi chết .v.v., sáu căn đều hoại. Chúng sinh cõi Vô sắc, Đại thừa và Tiểu thừa nói khác nhau.

Tiểu thừa nói: Chỉ có ý căn diệt hoại sau cùng. Đại thừa nói: Còn có hình sắc, đồng với cõi Sắc. Trong bốn hữu, các căn không nhất định, chúng sinh cõi Dục, phần nhiều đủ sáu căn, nhãn đến chúng sinh rất nhỏ cũng đủ thân và ý. Cõi Sắc, cõi Vô sắc, Đại thừa và Tiểu thừa nói khác nhau.

Tiểu thừa nói: Trong cõi Sắc kia, trừ chỗ Vô tướng, còn các cõi trời, đều có đủ sáu căn; trong cõi trời Vô tướng không có ý căn, trong

cõi Vô sắc chỉ có ý căn, năm căn khác không có.

Đại thừa nói: Cõi Sắc, Vô sắc đều có đủ sáu căn, vì sao như vậy?

Đại thừa nói: Vì vô tướng, Vô sắc, hữu sắc, trong tâm có một loại, nhất định đủ sáu căn không thiếu. Vì sao? Vì thân trung ấm thọ thuần nghiệp quả, không thọ tạp nghiệp nên đủ sáu căn. Lại thân trung ấm, sắc tinh vi không có duyên khác hoại căn nên có sáu căn.

Lại trong sáu căn tìm chỗ thọ sinh nên thân trung ấm nhất định có đủ sáu căn, nhưng sáu căn của trung ấm lạnh lợi, thanh tịnh hơn chư thiên tất cả thế giới, xứng chỗ thọ sinh, thấy nghe vô ngại, do năng lực cầu sinh tự tại. (môn thứ tư xong).

5- Kế nói về nghĩa nhiễm tịnh của bốn cõi:

Sinh có một loại, chỉ có nhiễm mà không có tịnh, thọ sinh phải là tâm phiền não, còn chung nhiễm tịnh, nên Tạp Tâm nói: Một nhiễm ba có hai:

Nói một nhiễm, là sinh có.

Ba có hai, là vốn chết mà trong chung nhiễm tịnh, đây chính là nói riêng về phàm phu, Nhị thừa. Nếu chung cả Bồ-tát nguyện lực thọ sinh thì bốn cõi đều chung nhiễm tịnh. (xong môn thứ năm).

6- Kế y cứ phàm thánh phân biệt bốn cõi:

Phàm Thánh tuy khác, nhưng đều đủ bốn cõi, phàm phu thì có thể biết. Trong bậc Thánh, bậc học có đủ bốn cõi; bậc vô học chỉ có ba. Lực bỏ cõi vô sinh. Bậc Thánh vô học, không sinh trở lại. Bốn cõi như vậy.

4. NGHĨA BỐN THỨC TRỤ PHÂN BIỆT, BỐN MÔN

1. Nói về tướng.
2. Phân biệt hữu lậu, vô lậu.
3. Phân biệt theo địa.
4. Phân biệt ba đời

1- Nói về tướng: Bốn thức trụ, trong năm ấm; sắc, thọ, tưởng, hành và thức là sở y nên gọi là Thức trụ.

Trụ nghĩa là thế nào? Theo Luận Tỳ-đàm, thể tâm Vương đồng thời nương ở sắc, thọ, tưởng, hành nên gọi là Thức trụ.

Hỏi: Y cứ pháp tâm, tâm sở kia đồng thời nương nhau, vì sao nói

riêng thức nương trụ khác mà không nói thọ v.v...trụ khác ư ?

Giải thích rằng: Lý thật nghĩa trụ đều chung, nhưng thức là vua nên nói nghiêng về nó lại phái ngoại đạo cho rằng: Thức nương thần trụ nên nói Thức trụ. Nếu theo Luận Thành Thật: Tâm khởi trước sau, không nói đồng thời nương nhau mà trụ, chỉ nói tâm thức duyên bốn ấm khác, duyên mà ái chấp, nên gọi là Thức trụ.

Hỏi: Tông ấy tham ở trong hành; tâm thức không tham. Vì sao trong kinh nói là Thức trụ?

Giải thích rằng: Nương tham kia có hai loại:

1. Khởi tham chỉ ở tâm hành.
2. Tánh tham ở khắp bốn tâm.

Vì tánh tham chung thì trong thức có nên được y cứ nơi thức nói là thức trụ.

Sao là tánh tham chấp tánh phiền não. Vì chấp trước cảnh giới nên gọi là tánh tham.

Hỏi: Tánh tham đã chung cả bốn tâm, vì sao chỉ nói riêng thức trụ mà không nói thọ trụ, tưởng hành trụ, v.v...?

Giải thích: Theo lý nghĩa trụ chung cho cả bốn tâm, nay dùng ba nghĩa riêng nói thức trụ:

1. Do ban đầu giống sau, thức tâm đứng đầu nên chỉ nói thức trụ, loại khác có thể biết nên không nói đủ.
2. Nêu yếu hiển mạnh, y cứ vào bốn tâm, thức tâm chấp tánh rất kém yếu, cho đến tâm hành thủ tánh rất mạnh. Y cứ yếu nói trụ, tăng mạnh nên biết, nên bỏ qua không nói.
3. Vì phá ngoại đạo nói thức nương thần, gọi là Thức trụ. Do ngoại đạo kia phần nhiều chấp tâm nương thần ngã.

Hỏi: Nếu nói tham cho nên trụ, vì sao luận Thành Thật nói ưa thích cho nên trụ?

Giải thích: Lý thật tham đắm cho nên trụ, tâm tham do trước mà có ưa thích mà sinh, nên nói hỷ nhuận. Lại ở sau, trong các tham, còn có nghĩa hỷ, giúp thành tham nên nói hỷ nhuận.

Hỏi: Trước nói tánh tham cho nên trụ, tánh tham thường có, tại sao mượn hỷ nhuận?

Giải thích: Trong thức đã có tánh tham, là trong hạnh trước chú trọng về khí phần tham, trong hạnh trước tăng thêm chú trọng tham, do hỷ nhuận sinh nên có tánh tham trong thức, từ gốc mà luận nói, nên nói hỷ nhuận.

Hỏi rằng: Sắc v.v... thuộc về thức nào mà nói là thức trụ? Nếu theo

Luận Tỳ-đàm, thuộc chung sáu thức nên nói là Thức trụ. Trong pháp Thành Thật, người giải thích khác nhau.

Có người giải thích rằng: Chỉ có thuộc về ý địa, tâm, hành nên nói trụ, do tham ái trong hành mạnh.

Lại có người nói: Chung về tâm hành sáu thức nên nói Trụ, vì ba tâm trước không tham ái: Ở đây đều không như vậy, trong kinh nói thức trụ không nói hành trụ, làm sao nói thuộc về tâm hành trụ.

Có người lại giải thích rằng: Trong tông ấy tưởng thọ và hành, là danh thức chung, nên nói Thức trụ. Nếu nói tâm hành là chung danh, thức nói Thức Trụ, là luận chung chẳng khác nhau, làm sao phân biệt bốn thức trụ khác nhau. Nên biết trong Luận Thành Thật cũng đứng về sáu thức mà nói là thức trụ. Do đâu mà biết được? Trong Luận Tỳ-đàm: Thuộc chung về sáu thức nói là thức trụ. Luận Thành Thật không trái nên biết rõ dụng ấy. Lại các nghĩa tánh tham trong sáu thức trụ, chấp không khác, nên nhiếp chung để nói thức trụ.

Hỏi: Nếu thuộc chung về sáu thức nói thức trụ ấy, tâm của sáu thức duyên riêng một sắc, không duyên pháp khác, làm sao có được bốn món thức trụ?

Giải thích: Nhiếp chung về tâm sáu thức nói bốn thức trụ, chẳng phải cho rằng mỗi món đều có bốn trụ.

Lại hỏi: Năm thức chỉ ở một niệm, vì sao gọi là Trụ?

Ở đây nói Trụ, là trụ chấp gọi là trụ chấp, không do kinh dừng nói là Trụ; một niệm năm thức, cũng được gọi là Trụ.

Hỏi: Vì sao chỉ nói các ấm sắc, thọ, tưởng, hành dùng làm thức trụ, không còn nói thức dùng làm Thức trụ? Nếu theo Luận Tỳ-đàm nói: thức là tâm vương, hai vua khác nhau nên không nói thức vì thức trụ. Nếu theo Luận Thành Thật, khi thức thiếu thức, cho nên không nói thức là thức trụ. Vì sao thiếu thức? Trong sáu thức chỉ có ý thức thông đủ niệm tương tục còn năm thức khác hạn cuộc ở một niệm, không chung nối tiếp, không như sáu tưởng, sáu thọ, sáu hành đều thông tục niệm, cho nên nói thức thiếu vì thiếu nên không nói.

Lại phân ra hai nghĩa năng trụ, sở trụ khác nhau nên không nói thức là thức trụ. (môn thứ nhất xong).

2- Kế là phân biệt theo hữu lậu và vô lậu:

Bốn ấm hữu lậu, thuộc về thức hữu lậu gọi là Thức trụ, vô lậu thì không, vì sao như vậy?

Trong Luận Tỳ-đàm giải thích: Pháp vô lậu phá hoại thức hữu

lậu nên chẳng phải Thức trụ. Lại thức vô lậu, nhằm pháp hữu lậu, cũng chẳng phải thức trụ. Lại thức vô lậu đối với pháp vô lậu, cũng không tham chấp, cho nên không có thức trụ, thức hữu lậu đối với pháp vô lậu ưa chấp không xả, nên gọi là Thức trụ. Trong Luận Thành Thật cũng đồng. (môn thứ hai đã xong)

3- Kế y cứ các địa phân biệt thức trụ:

Địa là chín địa, bắt đầu từ cõi Dục cho đến cõi Phi tưởng. Nếu theo Luận Tỳ-đàm, phải ngay địa pháp so với địa thức để nói thức trụ, địa khác thì không vì thô tế khác nhau, nếu như vậy là nương lúc thân ở địa dưới khởi tâm ở địa trên thì thân ở địa dưới lẽ ra chẳng phải Thức trụ.

Luận tự giải thích: Trụ tướng thành tựu cũng gọi là Thức trụ. Nếu theo Luận Thành Thật, không luận là tự địa và cùng với tha địa, hễ có duyên chấp thì gọi là Thức trụ. (môn thứ ba đã xong)

4- Kế y cứ ba đời phân biệt nghĩa trụ:

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, ở trong ba đời, đồng thời nương nhau, đây gọi là Thức trụ, khác thời thì chẳng phải. Nếu theo Luận Thành Thật, trong ba đời bất luận đồng thời hay khác thời hễ khiến duyên chấp, đều là Thức trụ. Không phân biệt nghĩa bốn thức trụ, nói sơ lược như vậy.

5. NGHĨA CỦA BỐN CÁCH ĂN, CÓ CHIA RA HAI MÔN

1. Nói về tướng
2. Phân biệt theo thú.

1- Nói về tướng: Nói bốn cách ăn: Là đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Bốn cách ăn này, các luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận Thành Thật, các việc canh, cơm gọi là đoạn thực; lạnh, nóng v.v... gọi là Xúc thực, hoặc có chúng sinh dùng tư thực để nuôi mạng sống, gọi là Tư thực. Tuy nói như vậy nhưng không biết tư về cái gì ?

Có người giải thích: Tư nghiệp quá khứ, là mạng căn khiến mạng căn không dứt nói là Tư thực. Nếu như vậy, thì tất cả chúng sinh đều có thọ mạng là đều nhờ do tư, chẳng nên nói không, hoặc phải nên dùng tư tưởng hiện tại kia mà nuôi sống bản thân.

Nói Tư thực: Như tư huyền diệu được không chết v.v... tâm thức hữu lậu, quả báo thọ mạng không hoại gọi là Thức thực. Nếu theo Luận Tỳ-đàm: Hương, vị, xúc v.v... trong cõi Dục là đoạn thực. Trong pháp

xúc hữu lậu tâm sở. Có thể biết tất cả pháp tâm tâm sở, khiến pháp không tán hoại là xúc thực; tứ hữu lậu thường khởi, sau không dứt gọi là tứ thực. Tâm thức hữu lậu là tâm vương khiến cho tất cả các pháp tâm sở giữ gìn không hoại, gọi là Thức thực.

Hỏi: Vô lậu vì sao không ăn?

Giải thích rằng: Vô lậu tướng hoại nối tiếp, cho nên không ăn. (môn thứ nhất xong)

2- Kế nói theo các đường: Trước nói về sinh ấm trong địa ngục các luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận Thành Thật thì chỉ có thức thực. Trong Luận Tỳ-đàm có đủ bốn thực. Trong luận ấy nói: Ở địa ngục nước hoàn sắt nóng, có thể trừ được đói khát, tức là đoạn thực; còn ba tâm khác pháp thường có nên biết, hai đường ngạ quỷ, súc sinh đều có bốn cách ăn. Trong loài người thì không nhất định. Nếu có tâm thì đều có bốn cách ăn. Tâm diệt, luận nói khác nhau. Nếu theo Luận Tỳ-đàm thì nói các việc của đoạn thực khiến cho thân không hoại, lại không có cách ăn khác, cho nên trong tông luận nhập diệt định xa nhất là bảy ngày thì phải xuất định, nếu quá bảy ngày thế lực của đoạn thực hết, đứng dậy thì thân hoại. Trong Luận Thành Thật, tâm diệt là hiện tại tuy không có nhưng tâm thức vẫn còn cũng gọi là Thức thực. Vì thức thực nên nhập định diệt tận tuy qua nhiều thời gian thân cũng không hoại. Trong cõi trời không nhất định. Các vị trời cõi Dục, giống với người. Các vị trời cõi Sắc. Nếu theo Luận Thành Thật; chỉ có thức thực. Trong Luận Tỳ-đàm nói có tâm thức nhưng không có đoạn thực mà có ba loại khác. Nếu tâm diệt, thì bốn cách ăn đều không có. Cõi trời Vô sắc, đồng với hữu tâm trong cõi Sắc.

Trong cõi Vô sắc vì không có tâm diệt nên sinh ấm như vậy.

Kế nói về Trung ấm: Trong Luận Thành Thật: Tất cả Trung ấm chỉ có thức thực. Trong Luận Tỳ-đàm thì không nhất định. Trung ấm cõi Dục có đủ bốn cách ăn tùy theo tâm khởi thì lại ăn hưởng đến mùi hương, dùng làm đoạn thực, còn ba tâm pháp vẫn có thể tự biết. Trung ấm cõi Sắc, tuy không có đoạn thực, nhưng có ba loại khác. Trong luận nói: Trung ấm tuy có ba cách ăn, tứ thực rất tăng mạnh nhất vì để cầu sống. Bốn cách ăn như vậy.

6. NGHĨA NĂM ẤM, CÓ BẢY MÔN:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nói về tướng.

3. Thứ lớp trước sau.
4. Phân biệt ba tánh.
5. Phân biệt hữu lậu, vô lậu
6. Phân biệt thường, vô thường
7. Ba cõi có không

1- Giải thích tên gọi : Nói năm ấm, đó là sắc thọ tướng hành thức. Có chất ngại gọi là sắc. Lại thân hiện cũng gọi là sắc, lãnh nạp gọi là thọ.

Trong Luận Tỳ-đàm nói giác biết là thọ; chấp tướng là tướng. Trong Luận Tỳ-đàm nói: Theo sự hiểu biết gọi là Tướng, tạo tác gọi là Hành, rõ biết gọi là Thức. Trong Luận Tỳ-đàm cũng nói phân biệt gọi là thức. Năm loại này, trong kinh gọi là ấm, cũng gọi là chúng, chứa nhóm gọi là ấm, ấm chứa nhiều pháp nên gọi là Chúng.

Hỏi: Một sắc, một thọ, tướng v.v... chứa nhóm không nhiều, vì sao gọi là Ấm mà lại gọi là chúng?

Giải thích rằng: Đây là phần của các ấm tích tụ nên gọi là Ấm, nhiều phần trong đó nên gọi là Chúng. Như trong chúng Tăng thỉnh được một người gọi là thỉnh chúng tăng, ở đây cũng như vậy. (đây là xong môn thứ nhất).

2- Kế nói về thể tướng:

Thể của sắc ấm, ly hợp không nhất định, nhưng tóm lại chỉ có một sắc, hoặc chia làm hai:

1. Trong; 2. Ngoài.

Năm căn như nhãn v.v.. là nội sắc, sáu trần như sắc v.v... là ngoại sắc, hoặc chia làm ba. Như trong Luận Tỳ-đàm nói:

1. Có thể đối với thấy, nghĩa là mắt có thấy các màu sắc như xanh, vàng v.v...
2. Không thể thấy hữu đối, nghĩa là tai, mũi, lưỡi, thân vận hành được với sắc.
3. Không thể thấy sắc vô đối, sắc của ý căn vận hành vô tác. Hai sắc trước, vì nó đối với ngại sắc căn nên gọi là hữu đối. Một cái sau vô tác, không bị đối với ngại sắc căn nên gọi là vô đối.

Trong Luận Thành Thật nói vô tác phi sắc tâm cho nên chỉ có hai cái trước, sơ lược không có cái thứ ba. Hoặc chia làm sáu gọi đó là sáu trần; sắc, thính, hương, vị, xúc và pháp.

Năm cái trước có thể tự biết; Pháp, trần và sắc nếu theo Luận Tỳ-đàm: Năm căn vô tác là pháp trần sắc. Trong Luận Thành thật, chưa qua năm căn, năm trần, bốn đại giả gọi đó là sắc. Pháp trần sắc này là pháp trần sắc. Hoặc chia làm mười. Như trong kinh Niết-bàn có nói: cho nên phẩm Thượng hạ trong kinh Niết-bàn đều nói mười sắc, năm căn, năm trần là mười. Vì sao trong kinh Niết-bàn không nói vô tác? Trong kinh ấy nói vô tác chỉ là sắc pháp, chẳng phải việc của sắc, thành thân tướng kém cho nên không nêu bày, hoặc phân thành mười một, như trong Luận Tỳ-đàm nói: Năm căn, năm trần và sắc vô tác là mười một. Thuyết ấy, vô tác là tánh của nghiệp thân miệng, do bốn đại tạo thành thân vào sắc ấm. Trong Luận Thành Thật sắc có mười bốn; năm căn, năm trần và cùng với bốn đại thành là mười bốn. Có chỗ nói: Trong Luận Thành Thật nói: Tiếng không thành người, chẳng phải sắc ấm. Ở đây nói không phải như vậy, ấm chứa nhân nghĩa khác, thành nhân pháp khác, đâu được nói không thành người nên nói tiếng chẳng phải ấm.

Vì sao ấm khác, thành người pháp khác? Vì ấm có cả trong ngoài, thành người chỉ ở trong; ấm có cả sắc thanh, thành người chỉ có sắc, là khác với thanh. Làm sao biết thanh là sắc ấm? Như phẩm Sắc tướng trong Luận Thành Thật nói: Nói sắc ấm là bốn đại và đại đã do sắc hương vị xúc, cũng do bốn đại hợp thành năm căn là các tướng xúc cho nên có tinh. Nếu pháp này để giải thích thể tướng của sắc ấm, thì sao chẳng phải là sắc ấm. Lại trong Luận Tỳ-đàm nói thanh là ấm, Luận Thành Thật không trái, nên biết đó là dụng chung.

Hỏi rằng: Trong Luận Tỳ-đàm nói sắc vô tác dùng làm sắc ấm, vì sao trong Luận Thành Thật không nói ?

Giải thích: Trong Luận Thành Thật nói: Vô tác là phi sắc tâm, thuộc về hành ấm, không thuộc sắc ấm, nên ở đây không nói.

Hỏi rằng: Luận Thành Thật nói ngoài căn trần, có riêng bốn đại, dùng làm sắc ấm. Trong Luận Tỳ-đàm sao không như vậy?

Giải thích rằng: Trong Luận Thành Thật nói: Bốn đại là sắc giả danh, xem xét bốn trần thật có thể thành năm căn không thân nhiếp căn trần nên nói riêng. Trong Luận Tỳ-đàm, nói bốn đại là pháp thật nhiếp về sắc, xúc, nhập nên không nói riêng, sắc ấm như vậy.

Kế nói về thọ ấm, trong thể thọ ấm, rộng lược không nhất định, tóm lại chỉ có một thọ, hoặc chia làm hai:

1. Thân thọ.
2. Tâm thọ.

Như trong Địa Trì nói: Năm thức tương ứng gọi là Thân thọ, ý thức

tương ứng gọi là Tâm thọ.

Hỏi: Năm thức là tâm chẳng phải thân, vì sao tương ứng với thọ đây gọi là Thân thọ?

Giải thích: Đây là từ sở y đặt tên, năm thứ thức nương thân năm căn mà sinh tâm ý, cho nên chỗ sinh thọ gọi là Thân thọ, ý thức nương tâm cho nên chỗ sinh thọ gọi là Tâm thọ.

Hơn nữa, khổ vui cũng được phân làm hai:

- Quả ác gọi là khổ.
- Quả thiện gọi là vui.

Tất cả báo thọ không ngoài hai nghiệp quả thiện ác.

Hỏi: Tại sao xả thọ xếp vào Thọ?

Giải thích: Xếp vào lạc, vì quả nghiệp thiện, hoặc chia làm ba:

1. Khổ; 2. Vui; 3. Không có khổ vui. Cũng gọi là xả thọ nói về ba thọ này lược có năm môn.

1. Chia ba thọ.
2. Định hơn kém.
3. Nói chung và riêng.
4. Sinh lỗi khác nhau.
5. Nhảm bỏ khó dễ.

Y cứ trong môn thì có sáu môn:

1. Phân biệt ngay tướng, như phẩm Thọ Tướng trong Luận Thành Thật nói: Tổn nào thân tâm gọi là khổ thọ, tăng ích thân tâm gọi là lạc thọ, không tổn không ích gọi là không có khổ vui.

2. Đối nhân phân biệt. Tất cả quả ác, đây gọi là khổ, tất cả quả thiện, nói là lạc xả, nghĩa này thế nào? Theo Luận Tỳ-đàm thì Tam thiên rồi trở xuống là quả nghiệp thiện gọi đó là tứ thiên trở lên là nghiệp quả thượng thiện nói đó là xả. Trong tông ấy, tam thiên trở xuống không xả thọ báo. Nếu theo Luận Thành Thật thì chia thiện làm hai:

1. Tán thiện cõi Dục
2. Định thiện thượng giới

Nghiệp quả tăng thượng trong tán thiện nói là lạc thọ, nghiệp quả kém cõi gọi là xả thọ, do xả thọ này chỉ có lạc vi tế nên khó nhận biết.

Hỏi: Trong khổ cũng có nghiệp quả bất thiện vi tế bậc hạ sao gọi là xả mà chỉ nói lạc bậc hạ là xả thọ?

Giải thích: quả khổ trái với pháp hại, tánh trái với tình, có nhẹ tức là giác nên vào trong khổ không được gọi là xả. Quả lạc thuận với chúng sinh (tình) chẳng phải tất cả tâm pháp. Vì vi tế khó hiểu biết nên

chia ra xả, lại tất cả hai thọ khổ vui, đều dụng hành khổ vi tế làm thể. Đối với hành khổ nói là khổ thọ, khổ thọ ất nặng là tâm biết não nên không gọi là xả. Trên hành khổ nói lạc thọ tức lạc thọ vi tế. Đối với bậc trung, bậc thượng vừa ngay nơi tướng gọi là Lạc. Kém cõi đó là chẳng phải tâm nặng giác nên gọi chung là xả. Trong định thiện nghiệp quả bậc hạ gọi là lạc. Tứ thiện trở lên, nghiệp quả thiện thù thắng gọi đó là xả. Do kia vắng lặng khó nhận biết.

3. Đối duyên phân biệt, duyên có ba loại: Nghĩa là trong trái thuận, trái duyên bậc não gọi là khổ thọ, thuận duyên sinh thích hợp gọi là lạc thọ, cảnh được sinh gọi là xả thọ.

4. Đối tướng phân biệt, thích hợp với tướng đã khởi gọi là lạc thọ, không thích hợp với tướng mà sinh gọi là khổ thọ trong chứa tướng phát gọi là xả thọ.

5. Đối hạnh phân biệt, sinh sân là khổ, khởi tham là lạc, sinh si là xả.

6. Phân biệt theo thời gian: Trong đó, đối với ba duyên để nói nếu đối với duyên trái, lúc tương ứng là lúc khổ lìa sinh vui, lìa lâu thì xả; nếu đối với duyên thuận khi mới thọ thì sinh vui, chặng giữa thọ thì xả, thọ lâu thì khổ. Hoặc có thuận duyên, lúc tương ứng, lúc lìa thì sinh khổ, lìa lâu thì xả; nếu đối với trong duyên, lúc mới thọ thì xả, thọ lâu sinh khổ, lúc lìa sinh vui. Hoặc có trong duyên, lúc mới thọ thì xả, thọ lâu ưa đắm thì sinh lạc thọ, lúc lìa sinh khổ. Do sáu nghĩa này nên chia thọ làm ba.

Kế nói về ba thọ hơn kém khác nhau. Khổ thọ kém nhất, hai thọ lạc xả thì thượng trung không nhất định. Nếu theo Luận Tỳ-đàm: Thì lạc thọ nhất định là bậc hạ, xả thọ nhất định là bậc thượng. Vì quả thượng thiện. Nếu theo Luận Thành Thật ở cõi Dục, xả thọ là trung, lạc thọ là thượng, ở hai cõi trên, lạc thọ là trung, xả thọ là thượng.

Kế nói ba thọ: Ba thọ có chung và riêng. Theo Luận Tỳ-đàm: Nếu hạn cuộc ở cõi Dục thì lạc chung cõi Dục, cõi Sắc; xả chung cả ba cõi. Trong Luận Thành Thật phần thô đồng với thuyết của Tỳ-đàm, dùng thật tế để nói thì đều chung cả ba cõi, nên văn kia nói, khổ vui tùy theo thân đến Tứ thiên, ưu hỷ tùy tâm cho đến Hữu đảnh.

Kế nói ba thọ sinh lỗi khác nhau. Trong đó có hai:

1. Nói ba thọ sinh lỗi nhiều ít. Khổ sinh lỗi ít, hạn cuộc ở cõi Dục, vì sân, khước. Trong cái lạc sinh lỗi ở cõi Dục, cõi Sắc, hay sinh pháp bất thiện ô ược. Xả có rất nhiều lỗi chung khắp trong ba cõi, sinh đủ tất cả các phiền não.

2. Nói về ba thọ sinh lỗi nặng nhẹ: Xả thọ nặng nhất sinh khởi tà kiến, dứt mất thiện căn vì làm xiển đề. Lại sinh vô minh làm ra tất cả cội gốc sinh tử, khổ thọ và lạc thọ thì nặng nhẹ không nhất định. Nếu nói về việc đã làm, vui nặng khổ nhẹ. Vì cầu lạc thọ nên phần nhiều tạo tội. Nếu nói về chỗ sinh, thì khổ nặng lạc nhẹ, tức giận là tội lớn, vì từ khổ sinh. Ba thọ sinh lỗi khác nhau như thế.

Kế nói ba thọ nhàm bỏ khó dễ, trong đó có hai:

1. Nói ba thọ khởi nhàm khó dễ. Trong cõi Dục có ba thọ, khổ thọ vì dễ nhàm lìa, vì người ghét ác. Xả thọ thì khó theo thứ lớp vì không phiền não. Lạc thọ khó giữ nhất vì tham ái sâu. Nếu nói về cõi trên thì trong xả thọ và lạc thọ, lạc thọ dễ chán do thô động nên dễ ghét ác; xả thọ khó nhàm lìa, do vắng lặng khó nhận biết.

2. Nói về sự khó dễ của ba thọ: Khi được Sơ Thiên xả thọ và khổ thọ dễ xả vì đã xa lìa.

Hỏi: Nếu nói Sơ thiên lìa khổ, vì sao trong kinh nói Nhị thiên diệt khổ?

Giải thích: Sơ thiên có ba món thức trụ là nhãn, nhĩ, thân. Ba thức này làm cội gốc cho khổ của thân nương gá chỗ nương chưa hết nên không nói Sơ thiên diệt khổ. Thật ra Sơ thiên dứt hết khổ thọ. Lạc thọ thì khó hơn, đến Tứ thiên thì diệt hết. Xả thọ khó nhất, khi Niết-bàn mới diệt. Ba thọ như vậy, hoặc chia làm năm. Đó gọi là ưu, khổ, hỷ, lạc và xả. Năm thứ này tùy chỗ không nhất định. Nếu ở cõi Dục trong năm thức, bức nào gọi là Khổ, vui thích gọi là Lạc, trong ý thức suy nghĩ, ưu nào gọi ưu, vui vẻ gọi là hỷ.

Trong sáu thức địa trong đó chứa tâm thọ. Xả, khổ và lạc v.v... gọi đó là xả.

Hỏi: Vì sao khổ thọ và lạc thọ trôi đến ý địa lại gọi là ưu, hỷ còn xả thì không như vậy mà trong sáu thức địa gọi chung là xả.

Giải thích: Khổ, lạc từ tưởng vi tế sinh; hai thọ; ưu, hỷ từ tưởng mạnh phát vì vậy phải chia. Trong sáu thức, xả đồng do tưởng vi tế sinh, vì vậy không chia. Cõi Dục như vậy. Nếu ở Sơ thiên, ba thức nhãn, nhĩ và thân trong thân vui thích gọi là lạc, trong địa ý thức vui gọi là hỷ; trong bốn thức của thân có tâm thọ nói đó là xả.

3. Trong hỷ thọ, định trong ngoài, còn hai cái định ngoài, Sơ thiên trở lên, không có tử, thiết, thức cũng không có ưu, khổ vì vậy không nói. Ở cõi Nhị thiên, chỉ y cứ ý thức, nói hỷ nói xả. Ở Tam thiên chỉ nói ý địa; nói lạc, nói xả đã ở ý địa. Sao không gọi là hỷ mà nói là lạc, vì tánh lạc này tuy ở ý địa mà không được gọi là hỷ. Cho nên trong Tạp Tâm,

nói lấy đó làm ý hạnh lạc căn. Trong kinh Niết-bàn nói hạ gọi là hỷ, thượng gọi là lạc, thô cũng giống như thế, Tứ thiên trở lên chỉ có ý xả, không có nghĩa khác. Năm thọ như vậy. Hoặc chia làm sáu gọi là sáu căn sinh ra thọ. Hoặc chia ra mười tám do sáu căn sinh, mỗi căn đều có khổ vui, không khổ không vui, nên có mười tám.

Lại trong Luận Thành Thật nói: Mười tám ý hạnh, cũng là mười tám. Nghĩa là năm ý thức, ý thức thứ sáu sinh cũng đều có ưu, hỷ; không ưu không hỷ, nên thành mười tám. Hoặc lại chia thành ba mươi sáu thọ, như trong Luận Thành Thật nói: Sinh sáu căn đều có khổ, vui; không khổ không vui đều chung nhiếp tịnh hợp thành ba mươi sáu thọ. Hoặc chia ra một trăm lẻ tám, như Ngài Long Thọ nói: Ba mươi sáu cái trước chia theo ba thời nên có một trăm lẻ tám, nếu phân biệt rộng, thọ chính là vô lượng, thọ ấm như vậy.

Thể tướng ấm: Là khai hợp không nhất định, bao gồm thành một tướng. Hoặc chia làm ba:

1. Hợp với tướng.
2. Không hợp tướng.

3. Không thích hợp chẳng phải không thích hợp tướng: Chấp thuận gọi là thích hợp; Chấp trái thì không thích hợp chấp trung dung gọi là không thích hợp chẳng phải không thích hợp với tướng. Hoặc chia làm sáu; là sáu thức tương ứng với tướng. Hoặc chia ra mười tám: Trong sáu tướng, mỗi tướng có ba món, thích không thích v.v... thành mười tám. Tùy duyên hiện tướng, tướng cũng vô lượng, tướng ấm như vậy. Thể của hành ấm rộng lược không nhất định, bao gồm chỉ có một hạnh.

Hoặc chia làm hai:

1. Tâm pháp.
2. Phi tâm pháp.

Trong tâm pháp, theo Luận Tỳ-đàm; nói sơ lược, có bốn mươi sáu, thuộc về hành ấm; có bốn mươi bốn. Bốn mươi sáu, thông địa có mười: 1- tưởng; 2- dục; 3- xúc; 4- tuệ; 5- niệm; 6- tư; 7- giải thoát; 8- ước; 9- định; 10- thọ.

Thiện địa có mười, đó là vô tham, vô sân, tầm, quý, tín, ý, bất phóng dật, bất hại, tinh tấn và xả. Chung với trước thành hai mươi. Bất thiện có hai là vô tầm, vô quý. Lấy đây chung với trước thành hai mươi hai. Trong đại phiền não có năm tâm sở: Bất tín, biếng nhác, vô minh, trạo và buông lung chung ở trước thành hai mươi bảy.

Trong tiểu phiền não có mười loại: Phẫn, hận cống, san, tật, não, siểm, phú, cao và hại. Chung ở trước thành ba mươi bảy. Số khác có

năm là giác, quán, thù, miên và hối chung ở trước thành bốn mươi hai.

Trong mười sử, riêng có bốn tâm sử đó là tham, sân, mạn, nghi chung trước thành bốn mươi sáu đây v.v... như trước nói ba cõi trong đó có phân biệt đầy đủ.

Nói thuộc về bốn mươi bốn hành ấm, trong bốn mươi sáu tâm pháp ở trước, trừ thọ trừ tưởng, còn tất cả đều thuộc về hành ấm.

Hỏi rằng: Vì sao trong các tâm pháp, riêng phần thọ tưởng, chia riêng hai ấm không xếp vào hành?

Trong Tạp Tâm Giải thích: Thọ là ái căn, tưởng là gốc của kiến bản. Do hai thứ này mà trôi lăn trong sinh tử, nên phải phân biệt. Lại trong luận nói: Thọ tu các thiền, tưởng tu vô sắc, do hai loại này mà có nghĩa địa mạnh khác nhau lập ấm riêng.

Trong Luận Thành Thật; tâm pháp vô lượng, trừ thức, tưởng, thọ còn tất cả đều thuộc hành ấm. Tâm pháp như vậy.

Trong phi tâm pháp: Y như trong Luận Tỳ-đàm: Nói mười bốn món bất tương ứng hành là chẳng phải sắc tâm. Ở đây cũng như ba cõi trước vì trong có phân biệt rộng. Trong Luận Thành Thật, hỉ nói vô tác là sắc tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Năm ấm chung, đều là hành, vì sao, nói riêng một pháp này là hành ấm?

Tạp Tâm Giải thích: Trong hành ấm, hành hữu vi nhiều cho nên gọi riêng là hành còn trong bốn ấm, vì nhiếp hành ít, lại cùng khác tên, hành ấm như vậy.

Kế nói về thức ấm khai hợp không nhất định bao gồm chỉ một thức hoặc chia làm hai:

1. Hữu lậu.
2. Vô Lậu.

Hoặc chia làm ba:

1. Thiện.
2. Ác.
3. Vô ký.

Hoặc chia làm bốn:

1. Thiện.
2. Ác.
3. Ẩn một vô ký

Nghĩa là cõi Dục có thân kiến, biên kiến và tất cả tâm tương ứng với phiền não ở hai cõi trên.

4. Bạch tịnh vô ký, đó gọi là tâm báo sinh oai nghi công xảo biến hóa.

Hoặc chia làm sáu, đó gọi là sáu thức, bắt đầu từ nhãn thức cho đến ý thức.

Hoặc chia làm bảy, nghĩa là bảy tâm giới trên sáu thức trước cộng thêm thân ý căn, là bảy tâm.

Hoặc chia làm chín:

1. Phương tiện tâm thiện
2. Tâm thiện sinh đắc.
3. Tâm bất thiện
4. Ẩm một vô ký.
5. Tâm báo sinh.
6. Tâm oai nghi.
7. Tâm công xảo.
8. Tâm biến hóa.
9. Tâm vô lậu.

Hoặc chia làm mười:

1. Phương tiện tâm thiện: Nghĩa là tương ứng tất cả tâm văn, tư, tu, thọ v.v...

2. Tâm thiện sinh đắc: Tâm tập khí quá khứ đã thành tương ứng tín, tấn, niệm v.v...

3. Tâm bất thiện: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến cõi Dục còn tất cả tâm bất thiện kết nghiệp tương ứng.

4. Ẩm một vô ký: Nghĩa là hai Pháp thân kiến, biên kiến trong cõi Dục tương ứng với tất cả tâm phiền não với hai cõi trên.

5. Tâm báo sinh: Nghĩa là tâm báo vô ký trong ba cõi.

6. Tâm oai nghi: Là tất cả các tâm đi, đứng, ngồi, nằm, thấy, nghe.

7. Tâm công xảo: Nghĩa là tất cả tâm doanh sinh.

8. Tâm biến hóa: Nghĩa là khởi niệm này, ta sẽ hóa thành sự nghiệp như vậy, tâm như vậy.

9. Tâm học: Nghĩa là người Ba thừa nhân thể vô lậu và học đẳng kiến, trong nhân Ba Thừa dứt kiết vô lậu học tâm thể này quán vô lậu, là học đẳng kiến.

10. Tâm vô học: Nghĩa là quả thể vô lậu của người Ba thừa và vô học đẳng kiến. Trong quả Ba thừa đều là trí vô sinh là thể vô học, du quán vô lậu là vô học đẳng kiến. Hoặc phân mười hai, như Tạng Tâm nói: cõi Dục có bốn:

1. Tâm thiện.
2. Tâm bất thiện.
3. Ẩn một vô ký.
4. Bạch tịnh vô ký.

Cõi Sắc có ba, trong bốn cái trước trừ tâm bất thiện, có ba món khác, Vô sắc cũng vậy, mười hai món hữu lậu này và Học, Vô học thành mười hai. Hoặc chia ra hai mươi:

Cõi Dục có tám:

1. Thiện phương tiện
2. Thiện sinh đắc
3. Tâm bất thiện
4. Tâm ẩn một
5. Tâm báo sinh
6. Tâm oai nghi
7. Tâm công xảo
8. Tâm biến hóa

Nghĩa là nương thiền trên làm cõi Dục hóa cõi Sắc có sáu, trong tám món trước trừ tâm bất thiện và tâm công xảo, nên có sáu món khác.

Vô sắc có bốn, trong tám món trước, trừ tâm bất thiện, oai nghi, công xảo và biến hóa, có bốn món khác và Học, Vô học thành hai mươi. Rộng thì vô lượng, thức ấm như vậy. (môn thứ hai đã xong)

3- Kế nói về nghĩa thứ lớp của năm ấm:

Các luận nói khác nhau. Trong Luận Tỳ-đàm: Năm ấm đồng thời, tùy nghĩa để nói.

Có hai thứ lớp:

1. Thuận.
2. Nghịch.

Thuận thứ lớp: Trước nói về sắc ấm, kế là thọ, kế là tưởng, kế nữa là hành sau đó là thức. Vì sao như vậy?

Luận giải thích có ba:

1. Thứ lớp thô tế, sắc ấm thô nhất, tướng trạn rõ ràng nên trước nói về sắc. Thọ tế hơn sắc, thô hơn các tâm pháp khác. Như người bị các bệnh đầu và chân, nên cảm thấy não căng ra, kế nói về thọ. Tưởng tế hơn thọ, thô hơn các tâm pháp khác. Tưởng chấp rõ ràng nên kế nói về tưởng. Hành tế hơn tưởng và thọ, thô hơn tâm thức. Tác dụng tướng hiển nên kế là nói hành. Thức tâm sâu kín nhất nên nói ở sau.

2. Thứ lớp phá lo, như trong luận nói: Từ trước đến nay, nam vì nữ sắc, nữ vì nam sắc, đắm nhiễm sắc xứ, trước quán sắc ấm, khiến người nhàm lìa, vì tham lạc thọ nên đắm nhiễm ở sắc, kế quán thọ. Vì tưởng điên đảo, khởi tham thọ lạc, kế quán tưởng. Do hành tham, ái, phiền não nên khởi tưởng điên đảo, kế là quán hành. Vì để nương tâm nên khởi hành phiền não, sau quán thức. Ba quán nhập thứ lớp. Như trong luận nói: Hai món quán sắc vào trong Phật pháp thành môn cam lộ.

1. Quán bất tịnh.

2. Niệm hơi thở.

Trước quán sắc, vì quán sắc lại biết thọ là hư vọng kế là quán thọ, biết thọ là hư vọng rồi, vì không có tưởng điên đảo.

Kế là quán tưởng, vì tưởng không điên đảo nên phiền não không hiện hành kế quán hành; phiền não không hiện hành, thì tâm kham nhẫn nên kế là quán thức. Từ trước đến nay ba món ấy là thuận thứ lớp.

Nghịch thứ lớp: Là quán ngược với trước. Như trong luận nói: Sinh tịnh hay uế đều do tâm làm gốc nên trước quán thức. Nhờ quán thức nên phiền não kém mỏng nên kế là quán hành. Vì phiền não kém mỏng, lại khởi pháp tưởng. Tưởng đối với tất cả khổ vô thường nên kế nói về tưởng. Vì khởi pháp tưởng nên tham thọ không sinh nên kế là quán thọ. Vì tham thọ dứt nên có thể thấy được lỗi của sắc nên kế quán sắc. Đây là nghịch thứ lớp. Trong Luận Tỳ-đàm nói như vậy.

Trong Luận Thành Thật: Ấm khởi trước sau không được đồng thời thứ lớp thế nào? Trước nói về sắc ấm kế là thức, kế là tưởng, kế là thọ, sau là hành. Vì sao như vậy? tâm thức khởi, phải nương giá sáu căn. Trong năm thức nương năm sắc căn là một loại ý thức nương vào ý căn. Từ nhiều thành luận, thức nương sắc sinh, nên trước nói sắc. Thứ hai nói về thức. Đối với thức sở duyên, phân biệt chấp tướng nên kế là nói về tưởng. Ở chỗ chấp tướng, lãnh nạp trái thuận, chẳng phải trái chẳng phải thuận nên kế là nói về thọ. Đối với pháp sở thọ, khởi tham, sân v.v... nên kế là nói về hành. Trong pháp Đại thừa, cũng nói thể tánh năm ấm đồng thời, tùy dụng ẩn hiển, chẳng phải không có trước sau, thứ lớp trong ấy, phần nhiều đồng với Luận Tỳ-đàm.

(môn thứ ba đã nói xong).

4- Kế y cứ ba tánh phân biệt năm ấm.

Nói ba tánh: Là tánh thiện, ác, tánh vô ký. Theo Luận Tỳ-đàm: Ấm có chín, từ tướng chia thành ba đó gọi là chín:

1. Ấm của thiện sinh đắc.

2. Ấm của thiện phương tiện.
3. Ấm của thiện vô lậu.
4. Năm ấm bất thiện.
5. Năm ấm ô uế.
6. Năm ấm báo sinh.
7. Năm ấm oai nghi.
8. Năm ấm công xảo.

- Thiện Sinh đắc: Là tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay từng tu thiện căn, không khởi tà kiến dứt bật đến nay, thiện này nối tiếp sinh ra liền được đó gọi là sinh đắc thiện, sinh đắc thiện căn khởi thân khẩu nghiệp là sắc ấm kia, còn các tâm khác là bốn ấm khác.

- Thiện phương tiện: Là ở đời hiện tại, gần bạn lành nghe pháp, tư duy tu tập khởi các thiện căn là thiện phương tiện. Trong đó khởi nghiệp thân khẩu đó là sắc ấm. Các tâm pháp khác là bốn ấm còn lại.

Hỏi: Phương tiện thiện và sinh đắc thiện là đồng hiện khởi có gì khác nhau?

Giải thích: Hai phần này ngang nhau rất khó biết, chỉ do tập khí đời trước theo tánh mà khởi là sanh đắc thiện. Vì nhờ người khác giáo hóa, nghe pháp tư duy, khởi năng lực khuyến khích là phương tiện thiện.

- Thiện vô lậu: xa lìa ràng buộc, hợp lý tương ứng, là thiện vô lậu ở Trung đạo và luật nghi vô lậu là sắc ấm. Còn các tâm khác là bốn ấm khác.

- Nói bất thiện: Là tất cả vô tâm vô quý là ấm bất thiện. Trong đó khởi nghiệp ác thân miệng là sắc ấm ấy còn bốn pháp khác thì có thể tự biết.

Hỏi: Pháp thiện ác đối nhau, trong thiện có sinh đắc phương tiện, vì sao bất thiện nói chung là một, không chia thành hai?

Giải thích: Đều là loại lý cũng nên như vậy nhưng nay vì nói pháp ác xưa nay thành chín phẩm tánh, chẳng phải là phương tiện tấn tập mới đủ cho nên ẩn tên của phương tiện ấy. Đã ẩn phương tiện thì sinh đắc cũng bỏ. Trở lại pháp thiện, khó được thành liền phải chia thượng hạ khiến cho dần dần tu tập, nói khác đi đối với sinh đắc và phương tiện để dứt pháp ác, tương chung nhằm lìa: Vì thế không chia riêng hai pháp sinh đắc và phương tiện.

- Nói ô uế: Hai chấp thân kiến, biên kiến trong cõi Dục, và tất cả phiền não ở hai cõi trên, có năng lực làm tâm nhiễm ô gọi là ô uế. Phiền não ô uế ở trong Sơ thiên, có thể động thân, miệng, đủ tánh năm ấm. Như Phạm Vương kia nói với các Phạm Chúng: Ông hãy ở đây, ta

có khả năng giúp ông hết già, chết ngay, tức là nói dối. Con trâu dắt Hắc Xỉ đến chỗ vắng cầu xin là tham tà siểm. Thân và miệng này là sắc ấm. Còn các tâm pháp, là bốn ấm khác. Cõi Dục ô uế là phiền não mê lý không thể đích thân phát ra hai nghiệp thân, miệng.

Nhi thiên trở lên, phiền não sâu kín, không động thân, miệng. Trong cõi Vô sắc, không có nghiệp thân, miệng, một bề không phát, nên không có sắc ấm, nhưng có bốn cái khác.

- Nói báo sinh: Là nhân quá khứ đã sinh ở các căn như nhãn, v.v... là báo sắc ấm. Tâm pháp v.v... kia, là bốn ấm khác.

- Nói oai nghi: Là cử chỉ thân miệng. Khởi Sắc ấm tâm pháp đây là bốn ấm khác.

- Nói công xảo: Là thân lo toan việc đời, miệng nói phần chỗ là sắc ấm. Bốn cái khác có thể tự biết.

- Nói biến hóa: Nương vào thể chung, hoặc biến hóa sắc thân, hoặc biến hóa lời nói là sắc ấm. Khi muốn khởi biến hóa thì trước khởi niệm: Nay ta sẽ biến hóa sắc tượng như vậy, nói lời như vậy. Do đây khởi biến hóa pháp tâm và tâm sở là bốn ấm khác.

Hỏi: Tâm biến hóa và thể chung của thân là một hay khác ?

Giải thích: Là khác. Tượng khác như thế nào? Tâm biến hóa là khởi tâm biến hóa.

Thân thông thể là khởi lực biến hóa. Lại nữa hóa tâm là phương tiện xa.

Thân thông thể là đích thân năng khởi hóa. Lại nữa hóa tâm chỉ là vô ký.

Thân thông thể có khi là thiện, có khi là vô ký. Vì sao như vậy?

Thông thể, có hai:

1. Tu tuệ.
2. Sinh tuệ.

Là y định tu đắc, là tu tuệ. Trời, rồng, quỷ v.v... không nhờ tập tánh, khởi biến hiện, là sinh tuệ kia.

Thể tánh Tu tuệ đây chỉ có thiện, tương ứng với định. Sinh tuệ là vô ký, lại là hóa tâm hoặc bao gồm tự địa, hoặc thuộc về tha địa, là khởi tự địa hóa, tức thuộc về tự địa, khởi tha địa hóa, thì thuộc về tha địa.

Nói về thông thể chỉ ở tự địa.

Hỏi: Sao không nương thẳng thông thể mà khởi biến hóa, lại riêng từ hóa tâm mà khởi biến hóa?

Tuy có thông thể sinh khởi hóa sự, nhưng nếu không có hóa tâm thì không bao giờ khởi hóa, nên phải hóa tâm.

Hỏi: Dù cho phải từ hóa tâm mà khởi hóa, đâu phải thông thể, hoặc không có thông thể?

Dù có hóa tâm, mà muốn hóa sự trước thì cũng không thể hiện, nên lại phải thông.

Hỏi: Hóa sắc là phải ngay từ hóa tâm mà hiện, hay phải chánh từ thể chung mà phát ?

Giải thích: Hóa sắc là nương ngay thông thể, là xa nương hóa tâm. Hóa tâm không thể đích thân động thân, miệng cho nên phải nương thông thể hóa. Chín ấm như vậy thì tướng từ ba pháp. Ba pháp đầu là thiện, năm pháp sau là vô ký. Trong Luận Tỳ-đàm như vậy. Trong Luận Thành thật, chỉ một hành ấm, gồm chung ba tánh. Còn các ấm khác đều là vô ký. Trong thuyết của Đại thừa phần nhiều đồng với Luận Tỳ-đàm. (môn thứ tư đã xong).

5- Kế là y cứ hữu lậu, vô lậu để phân biệt. Theo Luận Tỳ-đàm: Pháp vô lậu thứ ba trong chín loại năm ấm, còn tám pháp khác là hữu lậu. Trong Luận Thành Thật, nghĩa bao gồm có hai. Nếu dứt lậu nên gọi là Vô lậu, chỉ trong có tâm hành ngoài ra đều là hữu lậu. Nếu không sinh lậu gọi là vô lậu, năm ấm vô học một bề vô lậu. Năm ấm phàm phu một bề hữu lậu. Người học thì không nhất định. Nếu dứt chỗ kiết là vô lậu; chỗ kiết chưa hết gọi là hữu lậu.

Trong pháp Đại thừa, năm ấm chân đức hoàn toàn vô lậu; phần đoạn nhân quả một bề hữu lậu; nhân quả biến dịch tùy tướng vô lậu; thể tánh hữu lậu do tướng thuận lý nên gọi là vô lậu; vì tánh trái lý nên gọi là hữu lậu. (pháp thứ năm đã xong).

6- Kế nói về nghĩa thường, vô thường của năm ấm: Trong pháp Tiểu thừa, một bề vô thường. Trong pháp Đại thừa, lấy phần đại vị. Năm ấm sinh tử, một bề vô thường. Năm ấm Niết-bàn một bề là thường. Cho nên trong kinh nói: Sắc là vô thường, nhân diệt là sắc được đắc thường sắc; thọ tướng hành thức cũng giống như vậy. Tùy nói chung theo nghĩa. Năm ấm sinh tử, có thường và vô thường; Niết-bàn cũng vậy. Trong ấm sinh tử có tướng có thật. Sáu thức, bảy thức là tướng ấm. Như Lai Tạng khi ở Diệt Đế là ấm thật, tướng ấm vô thường thật ấm là thường. Ấm trong Niết-bàn có thể có dụng. Thể là thường như trên đã nói; dụng thì vô thường. Vì thế, trong kinh nói: Công đức trang nghiêm hữu vi là hữu lậu, hữu ngại là chẳng thường, vì tùy thời mà có sinh diệt. (môn thứ sáu đã xong).

7- Kế nói về nghĩa có không ở ba cõi: Trong pháp Tiểu thừa; bốn không Vô sắc, diệt định Niết-bàn hoàn toàn vô tâm. Định vô tưởng và báo vô tưởng hai luận nói khác nhau. Trong Luận Tỳ-đàm nói vô tâm, trong Luận Thành Thật nói có. Nên trong luận ấy nói: Phạm phu không thể diệt tâm tâm pháp, chỉ không có tâm thô nên nói vô tưởng. Trong pháp Đại thừa, cõi bốn không có sắc cho nên trong kinh Niết-bàn nói: Như trời Phi Tưởng, cũng Sắc Phi Sắc, ta nói Phi sắc, phi tưởng đã có. Ba loại sau cũng vậy.

Lại trong Đại thừa, nói định Vô tưởng cho đến Tiểu thừa, Vô Dư, Niết-bàn đều có tâm, sáu thức tuy mất nhưng tâm bảy thức còn, nên nói có tâm. Vì có tâm nên bốn ấm; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải không. Nghĩa của năm ấm, nói sơ như vậy.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG

QUYỂN 8 (Phần Đầu)